TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ V **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 45/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 13- 8- 2024.
V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ V, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Kim
Ông Nguyễn Văn Chiến
Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 157/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về " *Tranh chấp ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXX ST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Thân Văn Th, sinh năm 1974(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

***-Bị đơn*:** Chị Lê Thị H, sinh năm 1975 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);
Cùng cư trú tại: Tổ dân phố Ph, phường Tăng T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là anh Thân Văn Th trình bày: Anh và chị H kết hôn ngày 16/02/1994 (âm lịch), trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T (nay là phường T). Sau khi kết hôn chị H về gia đình nhà chồng làm dâu ngay, ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2008 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H chơi cờ bạc thua lỗ nhiều. Vợ chồng chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị H như vậy nhiều lần anh, gia đình, bạn bè khuyên bảo nhưng chị H không sửa chữa. Anh phải vay tiền trả nợ thay cho chị H. Vì chị H chơi cờ bạc nên chị H không quan tâm đến gia đình, không có trách nhiệm với gia đình. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình cảm. Mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2020, nguyên nhân là do chị H chơi cờ bạc nợ, nhiều người đến đòi tiền vay. Chị H như

vậy, nhiều năm anh tìm cách khắc phục để chị H sửa chữa nhưng không có kết quả. Chị H bỏ ra ngoài ở riêng từ năm 2020 cho đến nay. Thời gian chị H bỏ ra ngoài ở riêng, anh không gọi chị H về. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ năm 2020 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Thân Văn H1, sinh năm 1995, Thân Đức H2, sinh năm 2002, các con chung đã trưởng thành, cháu H1 đã kết hôn, nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, công sức đóng góp, ruộng đất nông nghiệp: vợ chồng không có, nay anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị H là bị đơn trình bày: Chị và anh Th kết hôn ngày 16/02/1994 trước khi cưới hai vợ chồng có thời gian yêu nhau, tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi vợ chồng kết hôn về thôn Ph nay là tổ dân phố Ph sinh sống, làm ăn. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, năm 2020 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống cũng như việc làm ăn phát triển kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Th có quan hệ ngoại tình. Vợ chồng ly thân chị ra ngoài ở riêng từ năm 2020 đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Th xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Thân Văn H1, sinh năm 1995, Thân Đức H2, sinh năm 2002, các con chung đã trưởng thành, cháu H1 đã kết hôn, nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, công sức đóng góp, ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có, nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc chị đề nghị Tòa án cho chị vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các buổi xét xử.

Kết quả xác minh tại địa phương cung cấp: Anh Th và chị H kết hôn năm 1994, vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2020 chị H bỏ ra ngoài ở riêng nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Thân Văn Th được ly hôn chị Lê Thị H

- Án phí: Anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Th đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã V.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] *Về thẩm quyền*: Anh Thân Văn Th có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã V giải quyết ly hôn. Chị Lê Thị H là bị đơn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở : Tổ dân phố Ph, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Việt Việt Yên thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[1.2] *Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:* Anh Thân Văn Th là nguyên đơn, chị Lê Thị H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Anh Th và chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Thân Văn Th và chị Lê Thị H kết hôn ngày 16 tháng 02 năm 1994 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V (nay là phường T, thị xã V), tỉnh Bắc Giang là phù hợp với các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2008 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H chơi cờ bạc thua lỗ nhiều. Vợ chồng chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị H như vậy nhiều lần anh Th, gia đình, bạn bè khuyên bảo nhưng chị H không sửa chữa. Anh Th phải vay tiền trả nợ thay cho chị H. Vì chơi cờ bạc nên chị H không quan tâm đến gia đình, không có trách nhiệm với gia đình. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình cảm. Mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2020, nguyên nhân là do chị H chơi cờ bạc nợ, nhiều người đền đòi tiền vay. Ngoài ra, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh Th có quan hệ ngoại tình. Chị H ra ngoài ở riêng, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ năm 2020 đến nay. Chị H ra ngoài ở riêng anh Th không gọi về.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng anh Th và chị H mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn, chị H đồng ý là phù hợp với Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Thân Văn H1, sinh năm 1995, Thân Đức H2, sinh năm 2002, các con chung đã trưởng thành, cháu H1 đã kết hôn, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng đất nông nghiệp, công sức đóng góp: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Thân Văn Th được ly hôn chị Lê Thị H.

2. *Về con chung*: Các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp* : Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Thân Văn Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003518 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã V. Anh Th đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Hương

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện TX V;
- Chi cục THADS huyện TX V;
- Đương sự;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp phường T